FireAnt

CTCP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (UPCOM: QNC)

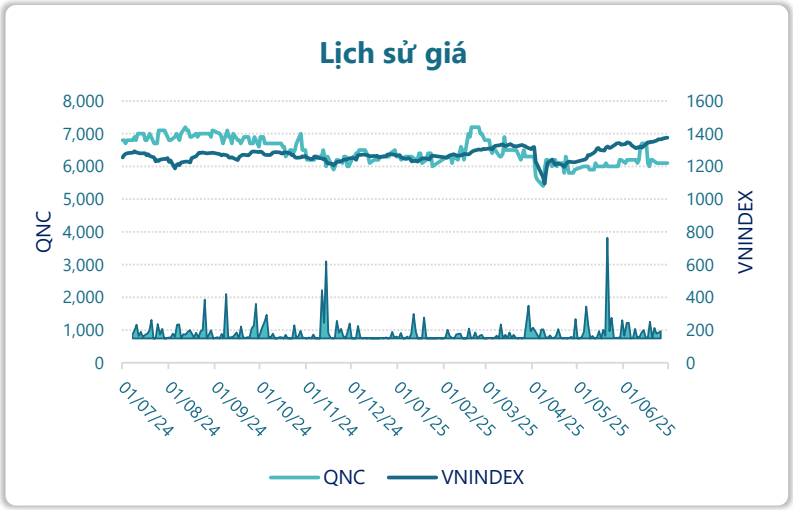

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,400
SL cổ phiếu LH	59,932,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,370
% sở hữu nước ngoài	15.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	366
P/E	14.5
EPS	420

DT thuần

Q2/25

482

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 83.0| 20.8%

YoY: ▲ 51.0| 11.9%

LN sau thuế

Q2/25

11.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.77| 132%

YoY: ▼15.2| -56.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.8%

+/- YoY: ▼ 4.7%

DT thuần

6T 2025

881

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 116| 15.2%

LN sau thuế

6T 2025

17.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼15.2| -47.2%

ROE

Q2/25

3.7%

+/- YoY: ▼ 3.6%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

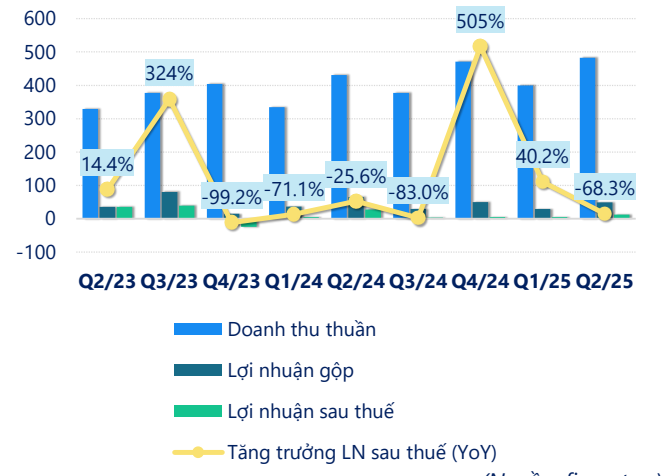

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

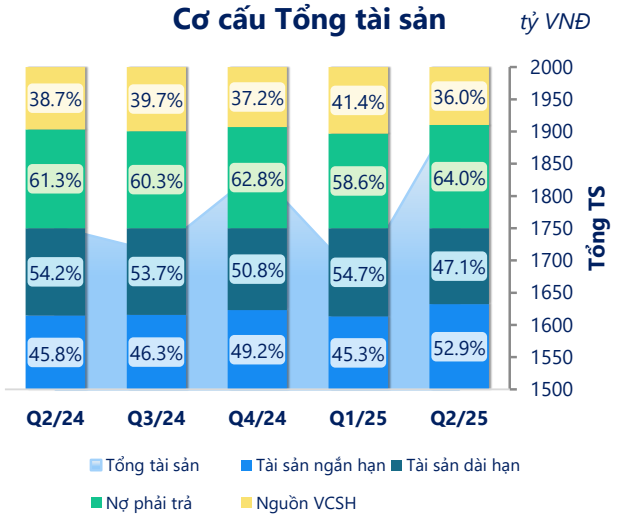

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

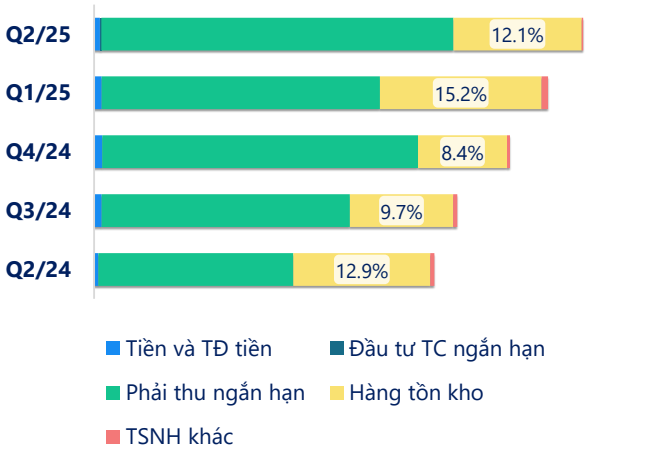

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

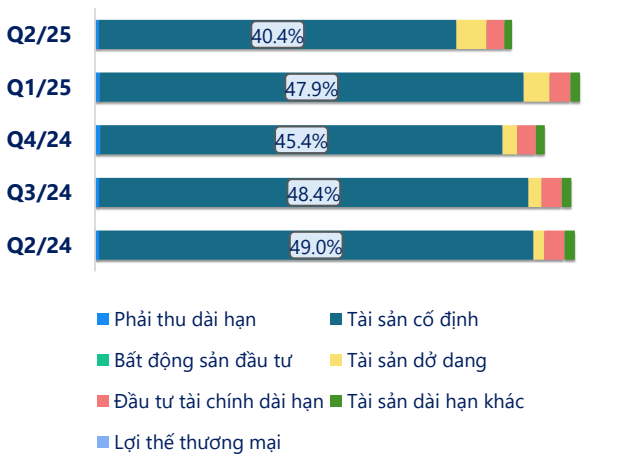

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

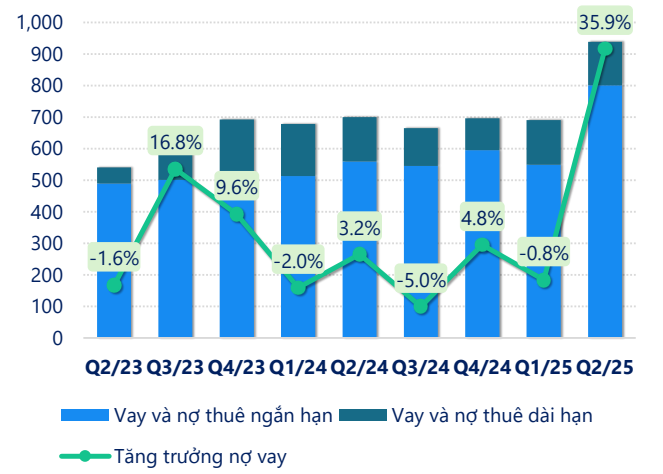

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

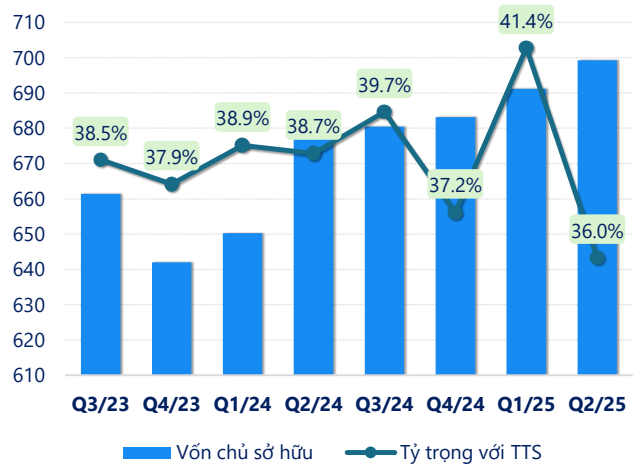

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

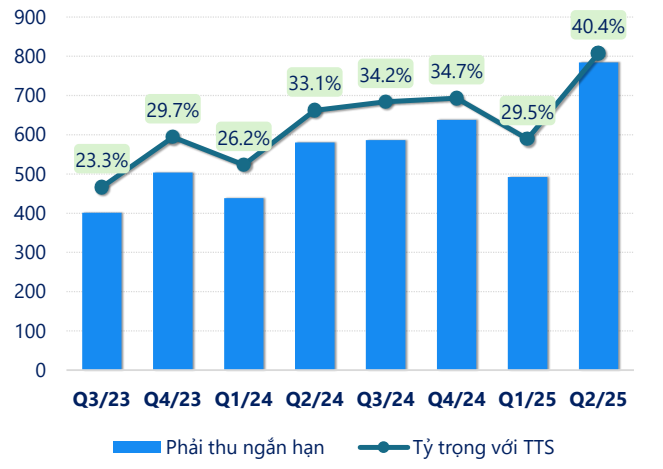

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

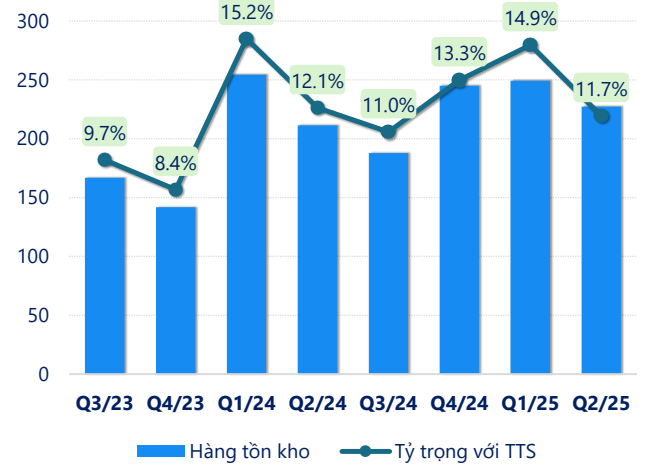

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

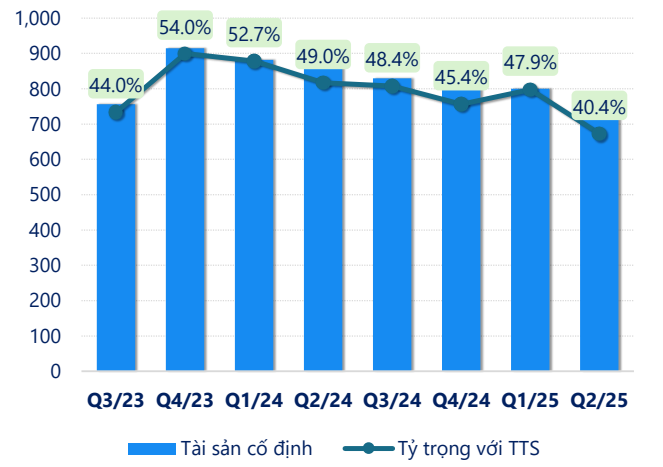

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

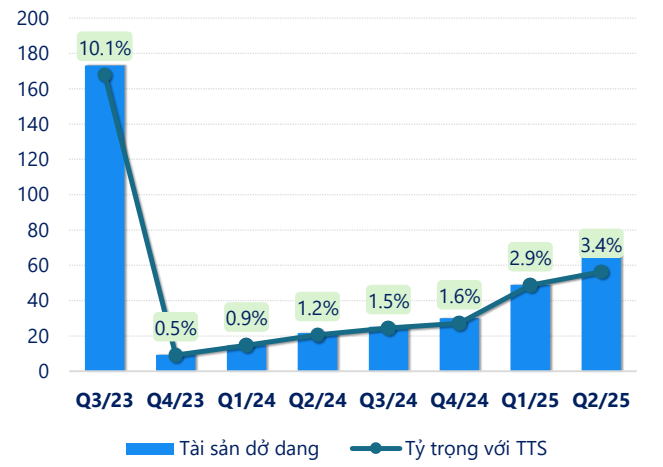

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

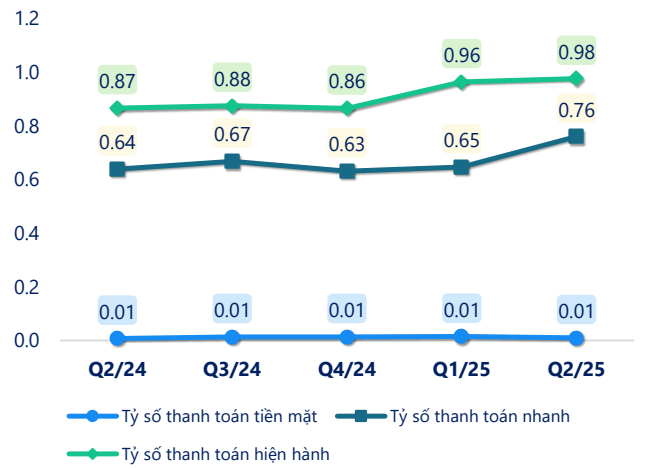

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

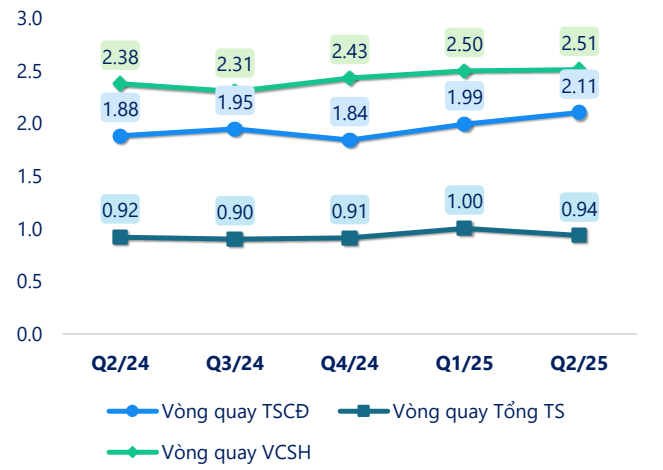

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,752**	**1,713**	**1,839**	**1,671**	**1,942**
Tài sản ngắn hạn	**803**	**792**	**905**	**757**	**1,028**
Tiền và tương đương tiền	6.91	12.4	14.1	11.7	10.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.50	2.50	2.50	2.50	2.50
Phải thu ngắn hạn	580	586	638	493	784
Hàng tồn kho	211	188	245	249	227
Tài sản ngắn hạn khác	2.45	3.73	6.21	0.93	3.19
Tài sản dài hạn	**949**	**920**	**933**	**914**	**914**
Phải thu dài hạn	8.05	8.09	11.1	8.52	8.52
Tài sản cố định	859	830	835	800	784
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	21.6	25.2	30.0	48.9	65.7
Đầu tư tài chính dài hạn	40.0	39.0	39.0	39.2	39.2
Tài sản dài hạn khác	20.5	18.5	18.5	17.5	17.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,075**	**1,033**	**1,155**	**980**	**1,243**
Nợ ngắn hạn	**927**	**905**	**1,047**	**786**	**1,053**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	559	545	595	549	800
Phải trả người bán ngắn hạn	180	152	227	99.2	110
Nợ dài hạn	148	127	109	195	190
Vay và nợ thuê dài hạn	140	120	101	142	138
Nguồn vốn chủ sở hữu	**677**	**680**	**683**	**691**	**699**
Vốn chủ sở hữu	**677**	**680**	**683**	**691**	**699**
Vốn điều lệ	600	600	600	600	600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)